

Số HĐ:

--	--	--	--	--	--	--	--

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG
CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH
Số: ...

(Đính kèm Hợp đồng cung cấp dịch vụ thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất số: có hiệu lực từ ngày .../.../... giữa và Công ty TNHH MTV Viễn Thông Quốc Tế FPT (“**Hợp đồng**”))

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH (“Phụ lục”) này lập vào ngày¹ (“**Ngày hiệu lực**”), bởi và giữa:

Bên sử dụng dịch vụ (Bên A):	<Tên tổ chức>		
Người đại diện:	<họ tên>		
Chức vụ:			
Theo giấy ủy quyền số (nếu có):			
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:	Cấp ngày	tại	
Địa chỉ:			
Mã số thuế:			
Điện thoại:			
Tài khoản số:		Mở tại:	
Đại diện liên hệ: - Họ tên: - Email ² : - SĐT:			
<Dành cho cá nhân>			
Bên sử dụng dịch vụ (Bên A):	<họ tên>		
Ngày, tháng, năm sinh:			
Địa chỉ:			

¹ Hướng dẫn điền thông tin:
- Nếu ký tươi: điền theo định dạng ngày/tháng/năm.
- Nếu ký điện tử: điền “ký” để ghi nhận Ngày hiệu lực là ngày ký điện tử.
² Lược bỏ nếu người tiêu dùng không đồng ý cung cấp.

Chứng minh nhân dân; Căn cước công dân; Hộ chiếu hoặc Mã số định danh cá nhân.			Ngày cấp :
			Nơi cấp:
Đại diện liên hệ:	- Họ tên: <Họ tên cá nhân sử dụng Dịch vụ> - Email ³ : - SĐT:		
Bên cung cấp dịch vụ (Bên B):	<CÔNG TY TNHH MTV VIỄN THÔNG QUỐC TẾ FPT>		
Người đại diện:			
Chức vụ:			
Theo giấy ủy quyền số (nếu có):			
Số Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và Mã số thuế:	<0305793402>		
Địa chỉ:			
Điện thoại:		Website:	
Tài khoản số:		Mở tại:	

(Bên A và Bên B sau đây được gọi chung là “các Bên” và được gọi riêng biệt là “Bên”).

Các Bên thỏa thuận ký kết Phụ lục này với các điều khoản và điều kiện sau:

ĐIỀU 1: DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ

STT	Dịch vụ	Số đăng ký	Mục đích sử dụng	Địa chỉ lắp đặt	Phí khởi tạo Dịch vụ (VND)
			Không QC		
1	Điện thoại cố định		☐		
2			☐		
				Tổng	
				VAT%	
				Tổng giá trị	
				(Bằng chữ:)	

Bên A thanh toán cho Bên B 100% phí khởi tạo Dịch vụ nêu trên trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ Ngày hiệu lực của Phụ lục này và sau khi Bên B khởi tạo Dịch vụ và gửi hóa đơn VAT cho Bên A.

ĐIỀU 2: TÍNH NĂNG DỊCH VỤ

Tính năng của Dịch vụ đăng ký theo **Điều 1** tại Phụ lục bao gồm:

³ Lược bỏ nếu người tiêu dùng không đồng ý cung cấp.

STT	Tính năng Dịch vụ
1	Tính năng mặc định
1.1	Cho phép gọi ra trực tiếp
1.2	Nhận cuộc gọi từ các thuê bao khác
2	Tính năng tùy chọn⁴
2.1	...
2.2	...

ĐIỀU 3: CƯỚC DỊCH VỤ

Bảng giá cước Dịch vụ: Giá cước Dịch vụ được thực hiện theo quy định của Nhà nước hoặc do Bên B xây dựng trên cơ sở các quy định quản lý Nhà nước về giá cước viễn thông. Bên B có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản tới Bên A trong trường hợp có thay đổi về giá cước Dịch vụ theo đúng quy định tại Hợp đồng.

Cách thức tính cước: Đoạn 6 giây + 1 giây: Đối với các cuộc gọi có thời lượng đàm thoại từ 6 giây trở xuống, cước cuộc gọi sẽ được tính trọn gói theo mức cước của một đoạn 6 giây. Đối với các cuộc gọi có thời lượng đàm thoại từ 7 giây trở lên, cước cuộc gọi sẽ được tính bằng mức cước của đoạn 6 giây đầu tiên cộng với cước phát sinh cho đoạn từng giây tiếp theo kể từ giây thứ 7.

3.1. **<Áp dụng đối với phương thức trả trước theo Hạn Mức>⁵ Đăng ký Hạn Mức sử dụng Dịch vụ:**

- 3.1.1. Gói Hạn Mức tối thiểu có thể đăng ký: **1.000.000 VND** (Một triệu đồng) trở lên.
- 3.1.2. Hạn Mức Bên A đăng ký để sử dụng Dịch vụ là: <...>⁶ VND (*Bảng chữ: <...> đồng*).
- 3.1.3. Cảnh báo: Khi giá trị sử dụng Dịch vụ của Bên A đạt đến một tỷ lệ nhất định tính trên Hạn Mức (“**Mức Cảnh Báo**”), Bên B có thể gửi cảnh báo đến email đại diện liên hệ của Bên A, cụ thể:
 - a. Mức Cảnh Báo đạt khoảng 80%: Gửi cảnh báo. Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày Mức Cảnh Báo đạt khoảng 80% và/hoặc kể từ khi Bên B gửi cảnh báo, Bên A phải thanh toán thêm để đạt Hạn Mức đã đăng ký hoặc Hạn Mức Mới để tiếp tục sử dụng Dịch vụ.
 - b. Mức Cảnh Báo đạt 100%: Tạm ngừng Dịch vụ. Trường hợp Bên A không thanh toán thêm để đạt Hạn Mức hoặc không thanh toán đầy đủ giá trị Hạn Mức Mới, Bên B có quyền chấm dứt

⁴ Khách hàng được hướng dẫn điền một hoặc nhiều **Tính năng tùy chọn** nêu dưới đây phụ thuộc vào nhu cầu của Khách hàng và FTI có khả năng đáp ứng. Các **Tính năng tùy chọn** bao gồm:

- (i) Cho phép gọi vào trực tiếp tới một máy và bỏ qua lời chào
- (ii) Hỗ trợ gọi quốc tế
- (iii) Nhóm các số thành một số duy nhất đại diện
- (iv) Chặn hướng gọi theo yêu cầu
- (v) Hỗ trợ nhiều cuộc gọi đồng thời
- (vi) Truy tìm cuộc gọi
- (vii) Hỗ trợ cấu hình chuyển tiếp cuộc gọi
- (viii) Hỗ trợ chặn cuộc gọi rác

⁵ Lược bỏ toàn bộ Điều 3.1 nếu không áp dụng trả trước.

⁶ Điền cụ thể Hạn Mức khách hàng phải thanh toán.

Hợp đồng mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào sau khi đã thông báo bằng văn bản hoặc qua email cho Bên A trước ít nhất 07 ngày làm việc tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng.

3.1.4. Điều chỉnh Hạn Mức:

- a. Trường hợp Bên A mong muốn điều chỉnh Gói Hạn Mức (“**Hạn Mức Mới**”), đại diện liên hệ Bên A gửi email thông báo đến Bên B. Hạn Mức Mới được đăng ký tối thiểu theo Gói Hạn Mức nêu tại **Điều 3.1.1** Phụ lục này.
- b. Sau khi Bên B nhận được đầy đủ khoản thanh toán Hạn Mức Mới từ Bên A, Bên B sẽ gửi email thông báo đến đại diện liên hệ của Bên A về việc áp dụng Hạn Mức Mới. Email thông báo của Bên B sẽ cấu thành thỏa thuận giữa các Bên về việc áp dụng Hạn Mức Mới như một phụ lục được ký kết giữa các Bên.
- c. Hạn Mức Mới sẽ được áp dụng trong kỳ sử dụng tiếp theo sau khi Bên A đã sử dụng hết Hạn Mức cũ và/hoặc được nêu tại email thông báo của Bên B.
- d. Các quy định về thanh toán, khấu trừ, cảnh báo Hạn Mức Mới được áp dụng như quy định của Hạn Mức.

3.2. Cước phí thuê bao cố định hằng tháng:

- 3.2.1. Kể từ thời điểm ký Hợp đồng và Bên B bàn giao Dịch vụ cho Bên A, hằng tháng, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B cước phí thuê bao cố định hằng tháng như sau:

Loại cước phí	Đơn giá (chưa bao gồm VAT)
Phí thuê bao cố định	20.000 VND/đầu số
Cước dịch vụ gia tăng ⁷ : ...	/tháng

<Điều 3.2.2, 3.2.3 bên dưới chỉ áp dụng cho phương thức trả trước theo Hạn Mức>⁸

- 3.2.2. Phí thuê bao cố định được khấu trừ như sau:

- a. Phí thuê bao cố định của Tháng T+1 sẽ được khấu trừ vào ngày 15 của Tháng T.
- b. Tại thời điểm khởi tạo, Phí thuê bao cố định sẽ được khấu trừ như sau:
 - Nếu thời điểm khởi tạo đầu số trước ngày 15 của Tháng T: Khấu trừ vào Hạn Mức khoản Phí thuê bao cố định (bao gồm VAT) của Tháng T.
 - Nếu thời điểm khởi tạo đầu số từ ngày 15 của Tháng T đến cuối Tháng T: Khấu trừ vào Hạn Mức khoản Phí thuê bao cố định (bao gồm VAT) của Tháng T và Tháng T+1.

3.3. Dịch vụ hướng trong nước:

Loại Dịch vụ		Giá cước (Đơn vị: VND/phút) (chưa bao gồm VAT)
Cố định nội hạt	Nội hạt	
Cố định liên tỉnh	Liên tỉnh nội mạng	
	Liên tỉnh khác mạng	
Di động	Di động trong nước	

⁷ Lược bỏ nếu không cung cấp dịch vụ gia tăng.

⁸ Lược bỏ nếu không áp dụng trả trước.

3.4. Dịch vụ hướng quốc tế⁹:

☐ Không cho phép thực hiện các cuộc gọi đi quốc tế.

☐ Bên A có nhu cầu và Bên B đồng ý cung cấp kết nối dịch vụ gọi đi hướng quốc tế cho các đầu số điện thoại Bên A đăng ký trên Phụ lục này. Cụ thể các hướng gọi đi quốc tế như bảng sau (đánh dấu “x” vào ô ☐ nằm trong cột Nhóm đối với nhóm mã vùng mà Bên A có nhu cầu kết nối):

Nhóm	Tên nước	Mã nước	Mã khu vực/Dịch vụ	Giá cước/phút
☐ Nhóm I				
☐ Nhóm II				
☐ Nhóm III				
☐ Nhóm IV				
☐ Nhóm V				
☐ Nhóm VI				
☐ Nhóm VII ¹⁰				

Ghi chú: Giá cước nêu trên được tính bằng đơn vị tiền Việt Nam Đồng tại thời điểm các Bên ký Phụ lục này và CHƯA bao gồm 10% VAT. Giá cước này có thể thay đổi phụ thuộc vào quy định giá cước của nhà mạng viễn thông tại quốc gia mà Bên A đăng ký dịch vụ hướng quốc tế. Trường hợp có sự thay đổi về giá cước áp dụng, Bên B sẽ tiến hành thông báo bằng văn bản hoặc email cho Bên A 03 (ba) ngày trước ngày dự kiến áp dụng giá mới. Trong vòng 02 (hai) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, Bên A sẽ phản hồi lại cho Bên B đối với việc áp dụng giá mới này. Quá thời hạn nêu trên mà Bên B không nhận được phản hồi từ Bên A, Bên B sẽ chủ động khóa hướng cuộc gọi đến các quốc gia mà Bên A đã đăng ký.

3.5. Các phí dịch vụ khác¹¹ <nếu có>

Loại dịch vụ	Đơn giá (chưa bao gồm VAT)	VAT	Tổng giá dịch vụ
Phí chọn số đẹp			
...			
Tổng			

⁹ Tích chọn ô nội dung phù hợp và có thể xóa bỏ nội dung không được chọn.

¹⁰ Nhóm mã Quốc Tế bổ sung theo yêu cầu của Khách hàng

¹¹ Lược bỏ Điều 3.5 Phụ lục này nếu không cung cấp dịch vụ khác.

Bên A đặt cọc cho Bên B 100% phí Dịch vụ nêu trên trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ Ngày hiệu lực của Phụ lục này. Các Bên thống nhất, sau khi Dịch vụ được hoàn tất triển khai, Bên B sẽ phát hành hóa đơn VAT cho Bên A và khoản tiền đặt cọc nêu tại Điều này sẽ được trừ toàn bộ để thực hiện nghĩa vụ trả tiền của Bên A.

3.6. Chiết khấu¹² <nếu có>

Bên B chiết khấu cho Bên A một phần lưu lượng cước theo tỷ lệ như sau (Giá trị tính chiết khấu là giá trị cước trước thuế VAT):

Tổng cước hàng tháng	Phần trăm chiết khấu
...	...

ĐIỀU 4: YÊU CẦU CAM KẾT TRIỂN KHAI

- 4.1.** Bên A cấu hình hiển thị số trên tổng đài theo đúng đầu số đã đăng ký với Bên B. Trường hợp Bên A cấu hình những đầu số không nằm trong danh sách đã ký kết với Bên B, thì Bên B sẽ ngắt một phần hoặc toàn bộ Dịch vụ, Bên A sẽ chịu toàn bộ thiệt hại và chịu trách nhiệm trước cơ quan nhà nước và Bên B về các vấn đề này nếu có bất kỳ phát sinh liên quan nào xảy ra, trừ trường hợp không do lỗi của Bên A.
- 4.2.** Bên A phải đảm bảo các thuê bao đầu cuối phải được cài đặt đúng vị trí địa lý thuê bao, có thông tin người sử dụng và địa chỉ chi tiết theo vị trí cài đặt theo thuê bao đó. Bên A phải chịu trách nhiệm trước cơ quan nhà nước về các vấn đề này nếu có bất kỳ phát sinh liên quan nào xảy ra, trừ trường hợp không do lỗi của Bên A.
- 4.3.** Bên A chịu trách nhiệm đảm bảo thuê bao địa phương nào được triển khai đúng vị trí địa lý của địa phương đó như nêu tại **Điều 1** của Phụ lục này.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 5.1.** Phụ lục này là một phần không tách rời của Hợp đồng. Các điều khoản không được quy định trong Phụ lục sẽ theo quy định của Hợp đồng.
- 5.2.** Phụ lục này có hiệu lực kể từ Ngày hiệu lực.
- 5.3.** Phụ lục này được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản¹³.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

¹² Lược bỏ **Điều 3.6** nếu không chiết khấu cho Khách hàng.

¹³ Nếu ký điện tử: Xóa bỏ **Điều 5.3**.